TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Phát Đạt;

Bà Trần Thị Cúc.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 408/ 2018/ HNGĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc yêu cầu xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, phường T, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

-*Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, phường T, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị M trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 chị và anh A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Mặc dù, đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị Mai yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung, tên Nguyễn Hoàng K (nam)- sinh ngày 01/01/2001. Cháu hiện đang sống cùng với anh, chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu K, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị khai không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

Tại biên bản ghi ý kiến của bị đơn là anh Nguyễn Hoàng A trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Vào năm 2000 anh và chị M chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung

sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không lớn. Nay chị M xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung, tên Nguyễn Hoàng K (nam)- sinh ngày 01/01/2001. Cháu hiện đang sống cùng với anh, chị. Nếu ly hôn thì tùy vào ý kiến của con, con muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh khai không có.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

Đồng thời, do bận công việc nên anh A yêu cầu xin vắng mặt trong các lần Tòa án xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp: giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Hoàng A được xác định là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hoàng A có yêu cầu vắng mặt trong các phiên xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về hôn nhân: Chị M và anh A có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị M tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn, anh A thường xuyên ghen tuông vô cớ, cho nên có những lời lẽ thiếu tôn trọng nhau. Nếu Toà án không chấp nhận yêu cầu của chị, thì chị cũng không thể tiếp tục chung sống với anh A nữa. Đồng thời, trong suốt thời gian chị M yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì anh A không đến Tòa án để hòa giải, điều đó chứng tỏ anh A cũng không có ý thức hàn gắn. Mặc dù, ý kiến của anh là không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh A cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, và anh cũng không đưa ra biện pháp hàn gắn để vợ chồng về chung sống hạnh phúc. Nhận thấy cuộc sống chung giữa chị M và anh A mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn với anh A.

[3]Về con chung: Chị M và anh A có 01 con chung, tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 01/01/2001. Hiện cháu đang sống cùng với anh chị. Khi ly hôn chị M yêu cầu nuôi cháu K, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến anh A là tùy vào ý kiến con, cháu muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi. Xét thấy, yêu cầu của chị M phù hợp với nguyện vọng của cháu K theo biên bản ghi ý kiến ngày 07/5/2018, và phù hợp với ý kiến của anh A. Cho nên giao cháu K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về tài sản chung: Anh, chị khai không có.

[5]Về nợ chung, nợ riêng: Anh, chị khai vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A.

Về con chung: Buộc anh Nguyễn Hoàng A giao 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K (nam)- sinh ngày 01/01/2001 cho chị M trực tiếp nuôi dạy. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh, chị khai không có.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh, chị khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị M phải nộp 300.000 đồng vào ngày 27/4/2018, chị M đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000728 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *UBND xã Tân Thành, tp Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau*